

Số: 02/VBCB- TTYT

Krông Nô, ngày 29 tháng 02 năm 2024

VĂN BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện Khám sức khỏe/khám, điều trị HIV/AIDS

Kính gửi: Sở Y tế Đắk Nông.

Tên cơ sở công bố: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG NÔ.**

Số giấy phép hoạt động đã được cấp: 000264/ĐNO-GPHĐ tại Sở Y tế tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ: Thôn Nam Thạnh, xã Nam Đà, huyện Krông Nô, Tỉnh Đắk Nông;

Điện thoại: 02613.583.381 ; Email: ttytkrongno.syt @daknong.gov.vn;

Nay Đơn vị công bố đủ điều kiện khám sức khỏe/khám và điều trị HIV/AIDS và gửi kèm theo văn bản này bộ hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau:

1. Quyết định thành lập Trung tâm Y tế của cơ quan có thẩm quyền ký;
2. Bản sao Giấy phép hoạt động của cơ sở kèm theo danh mục chuyên môn kỹ thuật của đơn vị;
3. Danh sách nhân sự thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS.
4. Danh mục về trang thiết bị y tế đảm bảo thực hiện Khám sức khỏe/ khám, và điều trị HIV/AIDS;

Trên đây là Bản công bố đủ điều kiện Khám sức khỏe/khám, điều trị HIV/AIDS của Trung tâm Y tế huyện Krông Nô gửi Sở Y tế./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Văn phòng UBND huyện;
- Đảng ủy, Ban Giám đốc;
- Khoa, phòng; Trạm Y tế các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, KHN.

GIÁM ĐỐC



Trương Hy

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NHÂN SỰ VÀ THIẾT BỊ Y TẾ ĐỂ THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE/ KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ HIV/AIDS

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Trung tâm Y tế huyện Krông Nô
2. Địa chỉ: Thôn Nam Thạnh, xã Nam Đà, Krông Nô, Đắk Nông.
3. Thời gian làm việc hằng ngày: **24/24. 7 ngày/ tuần**
4. Danh sách người thực hiện:

| STT | Họ và tên người hành nghề KBCB* | Số chứng chỉ hành nghề/số giấy phép hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn** | Vị trí chuyên môn <i>(ghi cụ thể chức danh, vị trí chuyên môn được phân công đảm nhiệm)</i> |
|-----|---------------------------------|---|--|---|
| 1. | Trương Hy | 000008/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh Nội Khoa theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Giám đốc (<i>tăng cường khoa Khám bệnh- liên chuyên khoa khi cần thiết</i>) |
| 2. | Lê Ái | 000156/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh Tai Mũi Họng theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Phó Giám Đốc(<i>tăng cường khoa Khám bệnh- liên chuyên khoa khi cần thiết</i>) |
| 3. | Lê Văn Thái | 000071/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Phó Giám Đốc/Phụ trách chuyên môn (<i>tăng cường khoa XN-CDHA khi cần thiết</i>) |
| 4. | Phạm Ngọc Biên | 0000569/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa; Khám bệnh, chữa bệnh Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh. Đọc diện tim. | Bác Sĩ/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm(<i>tăng cường khoa Khám bệnh- liên chuyên khoa khi cần thiết</i>) |



| | | | | |
|-----|----------------------|------------------|--|---|
| 5. | Mai Thanh | 000160/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa; Siêu âm tổng quát; Siêu âm Tim theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Trưởng Khoa/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm (<i>tăng cường khoa XN-CDHA khi cần thiết</i>) |
| 6. | Y Jen Êban | 0001137/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Lao; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học gia đình theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh. | Bác Sĩ/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm (<i>tăng cường khoa Khám bệnh- liên chuyên khoa khi cần thiết</i>) |
| 7. | Trương Thị Lài | 002639/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm |
| 8. | Trương Thị Bưởi | 0000547/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm |
| 9. | Phan Thị Tuyết Mai | 002568/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm |
| 10. | Nguyễn Thị Lý | 003211/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm |
| 11. | Nguyễn Thị Kim Nhung | 0000913/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa; Siêu âm Tổng quát theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm (<i>tăng cường khoa XN-CDHA khi cần thiết, tăng cường khoa Khám bệnh- liên chuyên khoa khi cần thiết</i>) |

| | | | | |
|-----|--------------------|------------------|--|--|
| 12. | Huỳnh Văn Thông | 0000546/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm |
| 13. | Phạm Văn Hoạt | 003212/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm |
| 14. | Huỳnh Cao Thịnh | 0000559/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm |
| 15. | Đỗ Thị Ánh Nguyệt | 003210/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm |
| 16. | Trần Thị Tuyết Mai | 0000553/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm |
| 17. | Phùng Kiều Oanh | 002770/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Lao theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm (<i>tăng cường khoa Khám bệnh- liên chuyên khoa khi cần thiết</i>) |
| 18. | Phạm Thị Thúy Linh | 003207/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm |

| | | | | |
|-----|---------------------|------------------|--|---|
| 19. | Nguyễn Thị Phú | 003162/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/ Khoa Hồi sức cấp cứu- Nội- Nhi- Nhiễm |
| 20. | Cầm Bá Mão | 001899/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, chẩn đoán hình ảnh, siêu âm sản phụ khoa theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh (tăng cường khoa Khám bệnh- liên chuyên khoa khi cần thiết) |
| 21. | Đoàn Quốc Thanh | 0000558/ĐNO-CCHN | Thực hiện các kỹ thuật của cử nhân kỹ thuật hình ảnh Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Cử nhân kỹ thuật Y học hình ảnh/Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh |
| 22. | Vương Thị Hóa | 003204/ĐNO-CCHN | Chuyên khoa xét nghiệm Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Kỹ thuật viên/Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh |
| 23. | Trần Ngọc Khoa | 003203/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Cử nhân kỹ thuật Y học hình ảnh/Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh |
| 24. | Phan Thị Hồng Oanh | 002839/ĐNO-CCHN | Chuyên khoa xét nghiệm | Kỹ thuật viên/Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh |
| 25. | Nguyễn Thị Kim Hằng | 0000561/ĐNO-CCHN | Chuyên khoa xét nghiệm | Kỹ thuật viên/Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh |
| 26. | Hồ Thị Thịnh | 0002863/ĐNO-CCHN | Chuyên khoa xét nghiệm | Kỹ thuật viên/Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh |
| 27. | Chu Quốc Thái | 0001024/ĐNO-CCHN | Quy định tại Điều 3, Thông tư số 23/2009/TT-BYT ngày 01/12/2009 của Bộ Y tế | Kỹ thuật viên/Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh |

| | | | | |
|-----|---------------------|------------------|--|---|
| 28. | Nguyễn Gia Toàn | 002877/ĐNO-CCHN | Chuyên khoa xét nghiệm | Kỹ thuật viên/Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh |
| 29. | Nguyễn Thành Long | 002992/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, siêu âm tổng quát, siêu âm sản phụ khoa, nội soi dạ dày- tá tràng theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh |
| 30. | Bùi Thị Liễu | 001999/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt, đa khoa, Lao, HIV theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Trưởng Khoa/Khoa khám bệnh - liên chuyên khoa |
| 31. | Nguyễn Đức Thọ | 0001031/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Trưởng Khoa/Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh (<i>tăng cường khoa Khám bệnh- liên chuyên khoa khi cần thiết</i>) |
| 32. | Lê Đình Tùng | 0001136/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt, đa khoa theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Khoa khám bệnh - liên chuyên khoa |
| 33. | Nguyễn Thành Chương | 0001041/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, nội soi tiêu hóa theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Phòng Kế hoạch nghiệp vụ/(<i>tăng cường khoa XN-CDHA khi cần thiết, tăng cường khoa Khám bệnh- liên chuyên khoa khi cần thiết</i>) |
| 34. | Trịnh Thị Hải Yến | 0001457/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh Tai Mũi Họng, đa khoa theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Khoa khám bệnh - liên chuyên khoa |
| 35. | Ngân Thị Thêm | 002066/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh Da Liễu, đa khoa theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Khoa khám bệnh - liên chuyên khoa |

| | | | | |
|-----|---------------------|------------------|--|--|
| 36. | Vũ Thị Phương | 003535/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Khoa khám bệnh - liên chuyên khoa |
| 37. | Nguyễn Thị Bích Khê | 0000576/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Khoa khám bệnh - liên chuyên khoa |
| 38. | Nguyễn Thị Ngát | 003205/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Khoa khám bệnh - liên chuyên khoa |
| 39. | Hồ Khắc Vĩ | 002994/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Lao theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Khoa Kiểm soát Bệnh tật- HIV/AIDS(tăng cường khoa Khám bệnh- liên chuyên khoa khi cần thiết) |
| 40. | Nguyễn Quốc Văn | 0001226/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Tâm thần theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Trưởng Khoa/ Khoa Y tế Công Cộng(tăng cường khoa Khám bệnh- liên chuyên khoa khi cần thiết) |
| 41. | Lưu Thị Ngọc Anh | 008466/ĐL-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Khoa khám bệnh - liên chuyên khoa |
| 42. | Châu Thị Thu Hòa | 003534/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Khoa khám bệnh - liên chuyên khoa |

| | | | | |
|-----|--------------------|------------------|---|---|
| 43. | Nguyễn Thu Loan | 003540/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Khoa khám bệnh - liên chuyên khoa |
| 44. | Phạm Ngọc Dũng | 000182/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa, Sản khoa theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Trưởng Khoa/Khoa Ngoại tổng hợp (tăng cường khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản khi cần thiết) |
| 45. | Lê Mai Hùng | 001874/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.cấp cứu đa khoa , siêu âm tổng quát, gây mê hồi sức theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Khoa Ngoại tổng hợp (tăng cường khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh khi cần thiết) |
| 46. | Huỳnh Thị Ái | 0001067/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/khoa Ngoại tổng hợp |
| 47. | Phùng Thị Yến Hồng | 003516/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/khoa Ngoại tổng hợp |
| 48. | Ngô Đức Ninh | 0000577/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/khoa Ngoại tổng hợp |

| | | | | |
|-----|----------------------|-----------------|--|--|
| 49. | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 003010/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/khoa Ngoại tổng hợp |
| 50. | Võ Nhật Hóa | 002152/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/khoa Ngoại tổng hợp |
| 51. | Nguyễn Thị Anh Trinh | 003015/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Khoa Ngoại tổng hợp (<i>tăng cường khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản khi cần thiết</i>) |
| 52. | Võ Thế Sự | 003201/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/khoa Ngoại tổng hợp |
| 53. | Hoàng Thị Thu Hà | 000200/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa, Ngoại khoa theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Trưởng Khoa/Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản (<i>tăng cường Khoa ngoại tổng hợp khi cần thiết</i>) |
| 54. | Trần Văn Hà | 002958/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, sản khoa theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản (<i>tăng cường Khoa ngoại tổng hợp khi cần thiết</i>) |
| 55. | Trương Thị Tuyết | 003579/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Nữ hộ sinh/Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản |

| | | | | |
|-----|----------------------|------------------|---|---|
| 56. | Nguyễn Thị Chung | 0000544/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Nữ hộ sinh/Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản |
| 57. | Nguyễn Thị Huệ | 003578/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Nữ hộ sinh/Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản |
| 58. | Nguyễn Thị Mộng Linh | 0000581/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Nữ hộ sinh/Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản |
| 59. | Nguyễn Thị Thu Thanh | 0001043/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Nữ hộ sinh/Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản |
| 60. | Đào Thị Thương | 002795/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, sản khoa Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Bác Sĩ/Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản(<i>tăng cường Khoa ngoại tổng hợp khi cần thiết</i>) |
| 61. | Trần Thị Kim Thoa | 0001066/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh YHCT, VLTL-PHCN Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Y Sĩ/ Khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng |
| 62. | Vũ Quốc Minh | 000133/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh YHCT Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư | Lương Y/ Khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng |

| | | | | |
|-----|---------------------|------------------|---|--|
| | | | 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh .. | |
| 63. | Hồ Gia Minh | 000283/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh YHCT, VLTL-PHCN Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Y Sĩ/ Khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng |
| 64. | Nguyễn Trường Trung | 0002905/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh YHCT, VLTL-PHCN theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/ Khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng |
| 65. | Trần Nhân Ánh | 0001112/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh YHCT, VLTL-PHCN Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Y Sĩ/ Khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng |
| 66. | Trần Hữu Phục | 0001765/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh YHCT, VLTL-PHCN theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Trưởng Khoa/ Khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng |
| 67. | Hồ Sỹ Phú | 0000552/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Trưởng phòng/Phòng Kế hoạch nghiệp vụ (<i>tăng cường khoa khám bệnh- liên chuyên khoa, Tổ HIV</i>) |
| 68. | Đào Thị Kim Phúc | 0001245/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Nữ hộ sinh/Phòng Kế hoạch nghiệp vụ (<i>tăng cường khoa khám bệnh- liên chuyên khoa, Tổ HIV</i>) |

| | | | | |
|-----|------------------------|--------------------|--|---|
| 69. | Trần Thị Xinh | 0002716/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Phòng Kế hoạch nghiệp vụ (tăng cường khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh) |
| 70. | Đỗ Thị Mỹ Chi | 0000557/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Phòng Kế hoạch nghiệp vụ (tăng cường khoa khám bệnh- liên chuyên khoa, khoa cấp cứu-nội-nhi-nhiễm, Tổ Dinh dưỡng) |
| 71. | Nguyễn Đức Bình | 150/ĐNO-CCHND | Cơ sở bán lẻ thuốc | Dược sĩ/Phòng Kế hoạch nghiệp vụ (Tổ BHYT, tăng cường khoa Dược -Vật tư-TTBYT) |
| 72. | Nguyễn Thị Thanh Thiên | 003202/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng Sản phụ khoa/Phòng HC-KT |
| 73. | H Nga Niê | 0001206/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/ Khoa YTCC, DD và ATVSTP |
| 74. | Bùi Thị Mỹ Trinh | 0002420/ĐNO - CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Khoa Dân số và phát triển |

| | | | | |
|-----|---------------------|---------------------|---|---|
| 75. | Đoàn Thị Bích Ngọc | 003415/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Khoa Dân số và phát triển |
| 76. | Đỗ Thị Lập | 555/CCHND-D-SYT-ĐNO | Cơ sở bán lẻ thuốc | Dược sĩ/Khoa Dân số và phát triển |
| 77. | Trần Quýt | 0002423/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Bác Sĩ/Trưởng Khoa/Khoa Dân số và phát triển |
| 78. | Lê Mạnh Hùng | 0002050/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Khoa KSBT, HIV/AIDS |
| 79. | Nguyễn Thị Kim Vĩnh | 0001229/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Khoa KSBT, HIV/AIDS |
| 80. | Phạm Vương Quốc | 002993/ĐNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa theo thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh | Bác Sĩ/Khoa KSBT, HIV/AIDS/ <i>(tăng cường Khoa khám bệnh liên chuyên khoa khi cần thiết)</i> |
| 81. | Phạm Thị Như Quỳnh | 0001246/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Y Sĩ/Khoa KSBT, HIV/AIDS |
| 82. | Trần Thị Kim Chi | 002200/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Phòng Điều dưỡng (<i>Tổ kiểm soát nhiễm khuẩn</i>) |

| | | | | |
|-----|------------------------|-----------------|--|--|
| 83. | Phạm Thị Dịu | 003417/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Trưởng phòng/Phòng Điều dưỡng (<i>Tăng cường Tổ kiểm soát nhiễm khuẩn</i>) |
| 84. | Trần Thị Trúc | 003416/ĐNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết của luật khám bệnh, chữa bệnh . | Điều dưỡng viên/Phòng Điều dưỡng (<i>Tăng cường Tổ kiểm soát nhiễm khuẩn</i>) |
| 85. | Nguyễn Thị Dạ Thảo | | Cử nhân Kế toán | Phòng HC-KT |
| 86. | Bùi Thị Mỹ Hạnh | | Cử nhân Kế toán | Phòng HC-KT |
| 87. | Đinh Thị Trang | | Cử nhân Kế toán | Phòng HC-KT |
| 88. | Nguyễn Thị Thanh Trang | | Cử nhân Kế toán | Phòng HC-KT |
| 89. | Nguyễn Hồng Vinh | | Cử nhân Kế toán | Phòng HC-KT |

5. Bản kê khai danh mục thiết bị y tế:

| STT | Tên trang thiết bị | Ký hiệu (model) | Hãng sản xuất | Xuất xứ |
|-----|--|----------------------------|--------------------|--------------|
| 1 | Máy siêu âm màu 4D: 5 Que dò (Convec, khối 4D, Nilinear, tim và âm đạo) | Alpha 6 | Aloka | Nhật Bản |
| 2 | Máy siêu âm trắng đen 2 que dò | Prosound 6 | Aloka | Nhật Bản |
| 3 | Máy điện tim | α 1000, ECG1250K | Cadysun Nihonkoden | Nhật Bản |
| 4 | Sinh hiển vi khám mắt | L-0395CF | Inami | Nhật Bản |
| 5 | Bộ nội soi tai mũi họng có nguồn sáng+ghế | INV 205 | Inotech | Hàn Quốc |
| 6 | Ghế + máy nha khoa +lấy cao răng | Quality | Olsen | Brazil |
| 7 | Máy phân tích sinh hóa tự động | Kenza 240, Global 240 | Kenza, Global | Pháp. Italia |
| 8 | Máy phân tích huyết học 18 thông số | ES60 | Horiba | Pháp |
| 9 | Máy phân tích huyết học 18, 19 thông số | Celltac α | Nihonkoden | Nhật Bản |

| | | | | |
|----|---------------------------|-------------------|------------------|------------|
| 10 | Máy huyết học Celltac G33 | Celltac G33 | Nihonkoden | Nhật Bản |
| 11 | Máy XN nước tiểu | Số Seri: 180002 | Human | Trung Quốc |
| 12 | Máy Xquang thường quy | UD150L-40E | Shimazdu | Nhật Bản |
| 13 | Máy Xquang di động | Mux 10 | Shimazdu | Nhật Bản |
| 14 | Máy Xquang di động KTS | TOPAZ-40D | DRGEM | Hàn Quốc |
| 15 | Máy ly tâm đa năng | EBA20 | Hittich | Đức |
| 16 | Máy soi cổ tử cung | AL 106, DVC200 | Medguyn, Medibul | Mỹ |

Krông Nô, ngày 29 tháng 02 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Trương Hy

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 000264/ĐNO - GPHE

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

- Căn cứ luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế,

CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám, chữa bệnh: **Trung tâm y tế huyện Krông Nô**
Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: **Bác sĩ Lê Văn Thái**
Số chứng chỉ hành nghề: 000071/ĐNO-CCHN, ngày cấp: 20/07/2012. Nơi cấp: **Sở Y tế Đắk Nông.**
Hình thức tổ chức: **Bệnh viện đa khoa công lập.**
Địa điểm hành nghề: **Thôn Nam Thạnh, xã Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.**
Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt.**
Thời gian làm việc hàng ngày: **Thứ 2 đến Chủ nhật (24/24 giờ).**

Đắk Nông, ngày 03 tháng 03 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hùng

| STT | DANH MỤC CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT |
|-----|--|
| 1 | HIV đo tải lượng hệ thống tự động |
| 2 | Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm [Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài < 10cm] |
| 3 | Siêu âm màng phổi |
| 4 | Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi |
| 5 | Kỹ thuật xoa bóp vùng |
| 6 | Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực) |
| 7 | Phẫu thuật lấy thai lần đầu |
| 8 | Cắt ruột thừa đơn thuần |
| 9 | Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm [Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài < 10cm] |
| 10 | Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến) |
| 11 | Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh |
| 12 | Virus test nhanh |
| 13 | Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm |
| 14 | Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng |
| 15 | Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu] |
| 16 | Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu] |
| 17 | Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu] |
| 18 | Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....) |
| 19 | Siêu âm tinh hoàn hai bên |
| 20 | Siêu âm tuyến vú hai bên |
| 21 | Siêu âm hạch vùng cổ |

| | |
|----|---|
| 22 | Nhỏ chân răng vĩnh viễn |
| 23 | Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang) |
| 24 | Nhỏ răng vĩnh viễn |
| 25 | Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay |
| 26 | Siêu âm tuyến giáp |
| 27 | Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori |
| 28 | Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gáy tê |
| 29 | Siêu âm phần mềm (một vị trí) |
| 30 | Siêu âm ổ bụng |
| 31 | Điện tim thường |
| 32 | Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối) |
| 33 | Điều trị bằng sóng ngắn |
| 34 | Siêu âm tử cung phần phụ |
| 35 | Điện châm (Kim ngắn) |
| 36 | Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động) |
| 37 | Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối |
| 38 | Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu |
| 39 | Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa |
| 40 | Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch |
| 41 | Điện mãng châm điều trị |
| 42 | Thời gian máu đông |
| 43 | Lấy cao răng |
| 44 | Điện mãng châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông |
| 45 | Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn |
| 46 | Phẫu thuật nhỏ răng khôn mọc lệch có cắt thân |

| | |
|----|--|
| 47 | Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng |
| 48 | Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm |
| 49 | Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm |
| 50 | Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille |
| 51 | Thay băng, cắt chỉ vết mổ |
| 52 | Thay băng, cắt chỉ |
| 53 | Thay băng trên người bệnh đái tháo đường |
| 54 | Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm |
| 55 | Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm |
| 56 | Chụp Xquang khớp vai thẳng [thẳng và nghiêng] |
| 57 | Chụp Xquang ngực thẳng [thẳng và nghiêng] |
| 58 | Điều trị bằng từ trường |
| 59 | Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp |
| 60 | Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch |
| 61 | Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng |
| 62 | Chụp Xquang khớp vai thẳng |
| 63 | Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch |
| 64 | Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch |
| 65 | Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch |
| 66 | Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch |
| 67 | Măng châm |
| 68 | Tập với xe đạp tập |
| 69 | Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em |
| 70 | Đo hoạt độ Lipase [Máu] |
| 71 | Định lượng Ethanol (cồn) [Máu] |

| | |
|----|---|
| 72 | Đo hoạt độ Amylase [Máu] |
| 73 | Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm |
| 74 | Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm |
| 75 | Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài < 10 cm |
| 76 | Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài < 10 cm |
| 77 | Sắc thuốc thang |
| 78 | Thay băng |
| 79 | Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân) |
| 80 | Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu dái tai |
| 81 | Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéch |
| 82 | Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm |
| 83 | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) |
| 84 | HCV Ab test nhanh |
| 85 | Dengue virus IgM/IgG test nhanh |
| 86 | Hồng cầu trong phân test nhanh |
| 87 | Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh |
| 88 | Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu |
| 89 | Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên |
| 90 | Coronavirus Real-time PCR |
| 91 | Chụp Xquang sọ thẳng/nghiêng |
| 92 | Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê |
| 93 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay |
| 94 | Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu |
| 95 | Dẫn lưu áp xe ruột thừa |
| 96 | Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng |

| | |
|-----|--|
| 97 | Khâu tử cung do nạo thủng |
| 98 | Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mô lấy thai |
| 99 | Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa |
| 100 | Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...) |
| 101 | Phẫu thuật viêm ruột thừa |
| 102 | Lấy sỏi bàng quang |
| 103 | Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng |
| 104 | Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe |
| 105 | Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng |
| 106 | Cắt mạc nối lớn |
| 107 | Nâng xương chính mũi sau chấn thương |
| 108 | Nắn sống mũi sau chấn thương |
| 109 | Lấy dị vật trực tràng |
| 110 | Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng |
| 111 | Cắt u vú lành tính |
| 112 | Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn |
| 113 | Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I |
| 114 | Phẫu thuật tổn thương gân chày trước |
| 115 | Phẫu thuật tổn thương gân Achille |
| 116 | Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn |
| 117 | Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn |
| 118 | Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản |
| 119 | Nội gân duỗi |
| 120 | Cắt u thành âm đạo |
| 121 | Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ |

| | |
|-----|---|
| 122 | Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I |
| 123 | Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần |
| 124 | Phẫu thuật điều trị mảng sùi di động |
| 125 | Vá da dày toàn bộ, diện tích dưới 10cm ² |
| 126 | Cắt ruột non hình chêm |
| 127 | Tháo lồng ruột non |
| 128 | Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu |
| 129 | Phẫu thuật vá da diện tích >10cm ² |
| 130 | Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm ² |
| 131 | Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp |
| 132 | Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ |
| 133 | Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản |
| 134 | Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non |
| 135 | Mở bụng thăm dò |
| 136 | Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản |
| 137 | Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng |
| 138 | Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng |
| 139 | Mở bụng thăm dò, sinh thiết |
| 140 | Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp |
| 141 | Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu |
| 142 | Khâu rách cùng đồ âm đạo |
| 143 | Mở thông dạ dày |
| 144 | Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn |
| 145 | Cắt bỏ tinh hoàn |
| 146 | Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ |

| | |
|-----|--|
| 147 | Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính |
| 148 | Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ |
| 149 | Phẫu thuật cắt đáy ổ loét mạn tính, khâu kín |
| 150 | Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi |
| 151 | Phẫu thuật ghép da mảnh điều trị vết thương mạn tính |
| 152 | Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ |
| 153 | Cắt u nang buồng trứng và phần phụ |
| 154 | Cắt u nang buồng trứng |
| 155 | Cắt u nang buồng trứng xoắn |
| 156 | Phẫu thuật vết thương khớp |
| 157 | Lấy máu tụ tầng sinh môn |
| 158 | Dẫn lưu nước tiểu bàng quang |
| 159 | Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường |
| 160 | Dẫn lưu áp xe khoang Retzius |
| 161 | Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay |
| 162 | Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay |
| 163 | Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón |
| 164 | Thương tích bàn tay phức tạp |
| 165 | Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp |
| 166 | Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động |
| 167 | Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động |
| 168 | Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung |
| 169 | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần |
| 170 | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn |
| 171 | Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung |

| | |
|-----|---|
| 172 | Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn |
| 173 | Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa |
| 174 | Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn |
| 175 | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini |
| 176 | Cắt bỏ âm hộ đơn thuần |
| 177 | Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi |
| 178 | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên |
| 179 | Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu |
| 180 | Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác |
| 181 | Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng |
| 182 | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát |
| 183 | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice |
| 184 | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice |
| 185 | Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ |
| 186 | Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ |
| 187 | Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em |
| 188 | Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn |
| 189 | Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay |
| 190 | Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng |
| 191 | Cắt sẹo khâu kín |
| 192 | Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang |
| 193 | Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em |
| 194 | Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn |
| 195 | Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa |

| | |
|-----|--|
| 196 | Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu |
| 197 | Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bì sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn |
| 198 | Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay |
| 199 | Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay |
| 200 | Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay |
| 201 | Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay |
| 202 | Phẫu thuật KHX gãy bánh chè |
| 203 | Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn |
| 204 | Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách |
| 205 | Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ |
| 206 | Cố định gãy xương sườn bằng băng dính dính to bản |
| 207 | Xét nghiệm đếm số lượng CD3 - CD4 - CD8 |
| 208 | Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài < 10 cm |
| 209 | Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài < 10 cm |
| 210 | Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm |
| 211 | Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm |
| 212 | Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền |
| 213 | Thay băng vết mổ |
| 214 | Chụp Xquang Blondeau [Blondeau + Hirtz] |
| 215 | Chụp Blondeau + Hirtz [Chụp Xquang phim > 24x30 cm] |
| 216 | Chụp Blondeau + Hirtz [Chụp Xquang phim ≤ 24x30 cm] |
| 217 | HBsAg test nhanh |
| 218 | Đỡ đẻ thường ngôi chỏm |
| 219 | Định lượng Triglycerid (máu) [Máu] |
| 220 | Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle) |

| | |
|-----|--|
| 221 | Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên |
| 222 | Điện châm điều trị liệt nửa người |
| 223 | Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không |
| 224 | Truyền tĩnh mạch |
| 225 | Chích áp xe quanh Amidan |
| 226 | Điện châm điều trị sụp mi |
| 227 | Chích rạch áp xe nhỏ |
| 228 | Chích chấp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc |
| 229 | Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới |
| 230 | Khâu vết rách vành tai |
| 231 | Thay băng điều trị vết thương mạn tính |
| 232 | Điện châm điều trị đau thần kinh tọa |
| 233 | Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn |
| 234 | Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè |
| 235 | Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V |
| 236 | Điện châm điều trị hội chứng vai gáy |
| 237 | Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm |
| 238 | Giường Nội khoa loại 1 Hạng III - Khoa Nhi |
| 239 | Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Hồi sức cấp cứu |
| 240 | Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền |
| 241 | Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Hồi sức cấp cứu |
| 242 | Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Phụ - Sản |
| 243 | Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp |
| 244 | Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa nội tổng hợp |
| 245 | Giường Nội khoa loại 1 Hạng III - Khoa nội tổng hợp |

| | |
|-----|--|
| 246 | Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Phụ - Sản |
| 247 | Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp |
| 248 | Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Nhi |
| 249 | Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Phụ - Sản |
| 250 | Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp |
| 251 | Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Nhi |
| 252 | Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Phụ - Sản |
| 253 | Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp |
| 254 | Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Nhi |
| 255 | Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Nhi |
| 256 | Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền |
| 257 | Giường Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa nội tổng hợp |
| 258 | Giường Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Nhi |
| 259 | Giường Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền |
| 260 | Khám Răng hàm mặt |
| 261 | Khám Tai mũi họng |
| 262 | Khám Mắt |
| 263 | Khám Phụ sản |
| 264 | Khám Ngoại |
| 265 | Khám YHCT |
| 266 | Khám Nội |
| 267 | Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV |
| 268 | Khâu cò mi, tháo cò |
| 269 | Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gãy mê |
| 270 | Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng |

| | |
|-----|---|
| 271 | Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing) |
| 272 | Thủy châm điều trị mất ngủ |
| 273 | Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu |
| 274 | Điều trị tủy răng sữa |
| 275 | Lấy dị vật tai |
| 276 | Điện mẫn châm điều trị liệt chi dưới |
| 277 | Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống |
| 278 | Phẫu thuật KHX gãy hở độ I thân xương cánh tay |
| 279 | Nắn, bó bột trật khớp khuỷu |
| 280 | Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéo hai bên |
| 281 | Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome) |
| 282 | Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay |
| 283 | Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi |
| 284 | Soi đáy mắt trực tiếp |
| 285 | Giác hút |
| 286 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống |
| 287 | Nhét bắc mũi sau |
| 288 | Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng) |
| 289 | Lấy dị vật giác mạc sâu |
| 290 | Nắn, bó bột trật khớp háng |
| 291 | Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi |
| 292 | Cứu điều trị liệt chi dưới thê hàn |
| 293 | Chích hạch viêm mủ |
| 294 | Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn |
| 295 | Điện châm điều trị cảm mạo |

| | |
|-----|--|
| 296 | Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay |
| 297 | Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay |
| 298 | Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân |
| 299 | Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt |
| 300 | Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng |
| 301 | Nội xoay thai |
| 302 | Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng |
| 303 | Cắt chỉ khâu kết mạc |
| 304 | Bó bột ống trong gãy xương bánh chè |
| 305 | Nắn, bó bột gãy mâm chày |
| 306 | Lấy dị vật họng miệng |
| 307 | Chụp Xquang thực quản dạ dày |
| 308 | Siêu âm màng phổi cấp cứu |
| 309 | Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên |
| 310 | Thụt giữ |
| 311 | Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn |
| 312 | Nắn, bó bột gãy xương đòn |
| 313 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy |
| 314 | Định lượng Acid Uric [Máu] |
| 315 | Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới |
| 316 | Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chéo |
| 317 | Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân |
| 318 | Điện châm điều trị teo cơ |
| 319 | Mổ bóc nhân xơ vú |
| 320 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp |

| | |
|-----|--|
| 321 | Điều trị bằng các dòng điện xung |
| 322 | Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi |
| 323 | Đặt ống thông dạ dày |
| 324 | Điện mãng châm điều trị bệnh lý các dây thần kinh |
| 325 | Điện châm điều trị chấp lẹo |
| 326 | Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe |
| 327 | Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật |
| 328 | Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay |
| 329 | Chọc thăm dò màng phổi |
| 330 | Chụp Xquang Chausse III |
| 331 | Điện mãng châm điều trị di tinh |
| 332 | Định tính Morphin (test nhanh) [niệu] |
| 333 | Cây chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não |
| 334 | Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay catheter |
| 335 | Chụp Xquang cột sống cổ chéo hai bên |
| 336 | Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp |
| 337 | Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi |
| 338 | Chọc hút nước tiểu trên xương mu |
| 339 | Nắn, cố định trật khớp hàm |
| 340 | Phẫu thuật quặm |
| 341 | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite |
| 342 | Mở màng phổi tối thiểu bằng troca |
| 343 | Điện mãng châm điều trị thất vận ngôn |
| 344 | Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu |
| 345 | Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân |

| | |
|-----|--|
| 346 | Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật |
| 347 | Chích áp xe tầng sinh môn |
| 348 | Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2 |
| 349 | Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay |
| 350 | Chích áp xe tuyến Bartholin |
| 351 | Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai |
| 352 | Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân |
| 353 | Chụp Xquang Blondeau |
| 354 | Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo |
| 355 | Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay |
| 356 | Phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài |
| 357 | Nắn, bó bột gãy xương bàn chân |
| 358 | Nắn, bó bột trật khớp gối |
| 359 | Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn |
| 360 | Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéch mỗi bên |
| 361 | Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài |
| 362 | Phẫu thuật cắt u thành bụng |
| 363 | Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động |
| 364 | Chích áp xe sàn miệng |
| 365 | Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng |
| 366 | Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin |
| 367 | Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay |
| 368 | Thời gian máu chảy phương pháp Ivy |
| 369 | Soi cổ tử cung |
| 370 | Nhĩ châm |

| | |
|-----|--|
| 371 | Điện mẫn châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật |
| 372 | Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên |
| 373 | Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép |
| 374 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai |
| 375 | Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống |
| 376 | Rửa cùng đồ |
| 377 | Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị |
| 378 | Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em |
| 379 | Đỡ đẻ ngôi ngược (*) |
| 380 | Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng |
| 381 | Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ |
| 382 | Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình |
| 383 | Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay |
| 384 | Tập nuốt |
| 385 | Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay |
| 386 | Thông tiêu |
| 387 | Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp |
| 388 | Đo độ lác |
| 389 | Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất |
| 390 | Chọc hút mũ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm |
| 391 | Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng |
| 392 | Chụp Xquang Stenvers |
| 393 | Lấy dị vật giác mạc |
| 394 | Lấy dị vật âm đạo |
| 395 | Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze |

| | |
|-----|---|
| 396 | Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên |
| 397 | Bẻ cuốn mũi |
| 398 | Làm thuốc tai, mũi, thanh quản |
| 399 | Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu |
| 400 | Chụp Xquang khớp háng nghiêng |
| 401 | Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu |
| 402 | Nội soi lấy dị vật mũi gãy tê/gãy mê |
| 403 | Nắn, bó bột gãy xương chày |
| 404 | Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng |
| 405 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp |
| 406 | Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản |
| 407 | Chọc hút khí màng phổi |
| 408 | Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe |
| 409 | Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bóng sâu |
| 410 | Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng |
| 411 | Phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay |
| 412 | Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi |
| 413 | Khí dung thuốc qua thở máy (một lần) |
| 414 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi |
| 415 | HIV Ab test nhanh |
| 416 | Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới |
| 417 | Vi nấm soi tươi |
| 418 | Chích rạch màng trinh do ứ máu kinh |
| 419 | Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bỏng |
| 420 | Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế |

| | |
|-----|--|
| 421 | Dẫn lưu bàng quang đơn thuần |
| 422 | Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...) |
| 423 | Phẫu thuật KHX gãy thân xương chày |
| 424 | Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh |
| 425 | Chụp Xquang hàm chéch một bên |
| 426 | Rửa bàng quang lấy máu cục |
| 427 | Tạo hình bằng các vật tại chỗ đơn giản |
| 428 | Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles |
| 429 | Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay |
| 430 | Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay |
| 431 | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trừ) |
| 432 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu |
| 433 | Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng |
| 434 | Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người |
| 435 | Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít |
| 436 | Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V |
| 437 | Phẫu thuật u thần kinh trên da |
| 438 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên |
| 439 | Chích áp xe vú |
| 440 | Bơm rửa màng phổi |
| 441 | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam |
| 442 | Cứu điều trị bí đái thể hàn |
| 443 | Phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay |
| 444 | Chọc hút dịch tụ huyết vành tai |
| 445 | Điện mẫn châm điều trị đau hố mắt |

| | |
|-----|---|
| 446 | Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN |
| 447 | Bom rửa lệ đạo |
| 448 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt |
| 449 | Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BiPAP) |
| 450 | Nắn, bó bột gãy xương ngón chân |
| 451 | Định lượng Protein toàn phần [Máu] |
| 452 | Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu] |
| 453 | Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay |
| 454 | Chụp Xquang Schuller |
| 455 | Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay |
| 456 | Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực |
| 457 | Rạch hoại tử bóng giải thoát chèn ép |
| 458 | Gây mê thay băng bệnh nhân có diện tích bỏng < 10% diện tích cơ thể |
| 459 | Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam |
| 460 | Cây chỉ điều trị thất vận ngôn |
| 461 | Cây chỉ điều trị hội chứng thất lung- hông |
| 462 | Test nội bì |
| 463 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress |
| 464 | Rửa dạ dày cấp cứu |
| 465 | Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em |
| 466 | Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng |
| 467 | Đặt ống thông hậu môn |
| 468 | Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê) |
| 469 | Chích áp xe thành sau họng |
| 470 | Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp |

| | |
|-----|---|
| 471 | Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động |
| 472 | Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0 |
| 473 | Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt |
| 474 | Điện châm điều trị rối loạn cảm giác |
| 475 | Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng |
| 476 | Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn |
| 477 | Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay |
| 478 | Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh |
| 479 | Khâu vết thương thành bụng |
| 480 | Nắn, bó bột gãy Monteggia |
| 481 | Thông bàng quang |
| 482 | Nắn, bó bột gãy xương gót |
| 483 | Điều trị vết thương mạn tính bằng đèn hồng ngoại |
| 484 | Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch |
| 485 | Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới |
| 486 | Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng |
| 487 | Điện mẫn châm điều trị liệt do bệnh của cơ |
| 488 | Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống |
| 489 | Tập với ròng rọc |
| 490 | Cắt chỉ khâu da mi đơn giản |
| 491 | Trám bít hố rãnh bằng Glassionomer Cement (GiC) |
| 492 | Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo |
| 493 | Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn |
| 494 | Điện mẫn châm điều trị đau thần kinh tọa |
| 495 | Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục |

| | |
|-----|--|
| 496 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới |
| 497 | Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên |
| 498 | Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần) |
| 499 | Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá) |
| 500 | Bơm hơi vôi nhĩ |
| 501 | Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn |
| 502 | Chích nhọt ống tai ngoài |
| 503 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính |
| 504 | Thay canuyn mở khí quản |
| 505 | Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo |
| 506 | Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng |
| 507 | Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay |
| 508 | Tập vận động có kháng trở |
| 509 | Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê |
| 510 | Cây chỉ điều trị huyết áp thấp |
| 511 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ |
| 512 | Khí dung thuốc thở máy |
| 513 | Cây chỉ |
| 514 | Điện mãng châm điều trị teo cơ |
| 515 | Bơm rửa khoang màng phổi |
| 516 | Nắn, bó bột gãy Dupuytren |
| 517 | Rửa dạ dày sơ sinh |
| 518 | Chụp Xquang hóc mắt thẳng nghiêng |
| 519 | Điện mãng châm điều trị liệt nửa người |
| 520 | Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người |

| | |
|-----|--|
| 521 | Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi |
| 522 | Nắn, bó bột trật khớp cổ chân |
| 523 | Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng |
| 524 | Nghiệm pháp Atropin |
| 525 | Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang |
| 526 | Tập lên, xuống cầu thang |
| 527 | Chọc dò túi cùng Douglas |
| 528 | Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai |
| 529 | Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V |
| 530 | Bơm thông lệ đạo |
| 531 | Chụp Xquang khớp thái dương hàm |
| 532 | Định lượng Cholesterol toàn phần (máu) |
| 533 | Phục hồi cổ răng bằng Composite |
| 534 | Điện châm điều trị hội chứng tiền đình |
| 535 | Chọc áp xe gan qua siêu âm |
| 536 | Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy |
| 537 | Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay |
| 538 | Chụp Xquang khung chậu thẳng |
| 539 | Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay |
| 540 | Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường |
| 541 | Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn |
| 542 | Phẫu thuật cắt u thành ngực |
| 543 | Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay |
| 544 | Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt |
| 545 | Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu] |

| | |
|-----|---|
| 546 | Bẻ cuốn dưới |
| 547 | Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản |
| 548 | Thủy châm điều trị đau lưng |
| 549 | Nội soi tai mũi họng |
| 550 | Đặt đường truyền vào xương (qua đường xương) |
| 551 | Nắn, bó bột trật khớp vai |
| 552 | Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng |
| 553 | Trứng giun soi tập trung |
| 554 | Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyen mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút) |
| 555 | Phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới |
| 556 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình |
| 557 | Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết |
| 558 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân |
| 559 | Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não |
| 560 | Đốt nhiệt họng hạt |
| 561 | Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay |
| 562 | Nội soi bẻ cuốn mũi dưới |
| 563 | Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp |
| 564 | Lấy sỏi ống tụy Stenon đường miệng |
| 565 | Thủy châm điều trị liệt chi trên |
| 566 | Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn |
| 567 | Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi |
| 568 | Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh |
| 569 | Điều trị hạt com bằng đốt điện |
| 570 | Nong niệu đạo |

| | |
|-----|---|
| 571 | Xoa bóp bấm huyệt bằng máy |
| 572 | Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn |
| 573 | Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng |
| 574 | Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm |
| 575 | Chụp Xquang ngực thẳng |
| 576 | Phẫu thuật cắt u sàn miệng |
| 577 | Điều trị bằng tia hồng ngoại |
| 578 | Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình |
| 579 | Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính |
| 580 | Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công) |
| 581 | Điện châm điều trị bí đái cơ năng |
| 582 | Định tính Amphetamin (test nhanh) [niệu] |
| 583 | Bóc nhân xơ vú |
| 584 | Hút rửa mũi, xoang sau mũi |
| 585 | Đo đường kính giác mạc |
| 586 | Điện châm điều trị liệt chi trên |
| 587 | Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê) |
| 588 | Rút đinh các loại |
| 589 | Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai |
| 590 | Tiêm tĩnh mạch |
| 591 | Bơm thuốc thanh quản |
| 592 | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite |
| 593 | Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản |
| 594 | Đặt sonde hậu môn sơ sinh |
| 595 | Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng qua đường mũi |

| | |
|-----|---|
| 596 | Mở khí quản |
| 597 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng |
| 598 | Nhổ chân răng sữa |
| 599 | Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu] |
| 600 | Nắn, bó bột gãy Dupuytren |
| 601 | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement |
| 602 | Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo |
| 603 | Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles |
| 604 | Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng |
| 605 | Test áp (Patch test) với các loại thuốc |
| 606 | Phẫu thuật KHX gãy xương đòn |
| 607 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân |
| 608 | Nhổ răng thừa |
| 609 | Hút thai dưới siêu âm |
| 610 | Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh |
| 611 | Kéo nắn cột sống cổ |
| 612 | Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao |
| 613 | Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu] |
| 614 | Đốt hộng hạt bằng nhiệt |
| 615 | Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn |
| 616 | Chích rạch màng nhĩ |
| 617 | Định lượng Glucose [Máu] |
| 618 | Forceps |
| 619 | Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn |
| 620 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa |

| | |
|-----|--|
| 621 | Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm |
| 622 | Nắn, bó bột gãy trên lõi cầu xương cánh tay trẻ em độ 3 và độ IV |
| 623 | Lấy calci đông dưới kết mạc |
| 624 | Đốt điện cuốn mũi dưới |
| 625 | Khí dung thuốc cấp cứu |
| 626 | Giác hơi điều trị các chứng đau |
| 627 | Điều trị dày sừng da đầu bằng đốt điện |
| 628 | Nắn, cố định trật khớp hàm |
| 629 | Điện mẫn châm điều trị liệt chi trên |
| 630 | Cắt phimosis |
| 631 | Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V |
| 632 | Làm thuốc tai |
| 633 | Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai |
| 634 | Khâu vòng cổ tử cung |
| 635 | Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu] |
| 636 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông |
| 637 | Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu] |
| 638 | Điện nhĩ châm điều trị ù tai |
| 639 | Điều trị tùy lại |
| 640 | Điện châm điều trị di chứng bại liệt |
| 641 | Rửa bàng quang ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc |
| 642 | Chăm sóc lỗ mở khí quản |
| 643 | Thay ống nội khí quản |
| 644 | Kéo nắn cột sống thắt lưng |
| 645 | Phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay |

| | |
|-----|--|
| 646 | Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP [giờ theo thực tế] |
| 647 | Đo độ dày giác mạc |
| 648 | Xác định sơ đồ song thị |
| 649 | Phẫu thuật KHX gãy Monteggia |
| 650 | Cấy chỉ điều trị liệt chi trên |
| 651 | Phẫu thuật KHX gãy hở độ II hai xương cẳng chân |
| 652 | Chích chấp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc |
| 653 | Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement |
| 654 | Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu] |
| 655 | Cắt hẹp bao quy đầu |
| 656 | Lấy nút biểu bì ống tai ngoài |
| 657 | Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công) |
| 658 | Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz.....) |
| 659 | Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới |
| 660 | Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay |
| 661 | Tập vận động có trợ giúp |
| 662 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới |
| 663 | Chụp Xquang sọ tiếp tuyến |
| 664 | Tập sửa lỗi phát âm |
| 665 | Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng |
| 666 | Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng |
| 667 | Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...) |
| 668 | Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm |
| 669 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não |
| 670 | Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn |

| | |
|-----|--|
| 671 | Điện mẫn châm điều trị thống kinh |
| 672 | Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật |
| 673 | Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê |
| 674 | Chọc hút dịch vành tai |
| 675 | Thủy châm |
| 676 | Nắn, bó bột gãy xương chày |
| 677 | Chọc dò tủy sống trẻ sơ sinh |
| 678 | Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết |
| 679 | Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi |
| 680 | Bóc nang tuyến Bartholin |
| 681 | Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng |
| 682 | Điện nhĩ châm điều trị đau đầu đầu, đau nửa đầu |
| 683 | Chụp Xquang đại tràng |
| 684 | Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn |
| 685 | Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ |
| 686 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não |
| 687 | Thông khí nhân tạo xâm nhập [giờ theo thực tế] |
| 688 | Điện mẫn châm điều trị liệt VII ngoại biên |
| 689 | Khí dung mũi họng |
| 690 | Tiêm trong da |
| 691 | Mở khí quản qua da cấp cứu |
| 692 | Test thử cảm giác giác mạc |
| 693 | Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu |
| 694 | Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên |
| 695 | Định lượng Urê máu [Máu] |

| | |
|-----|--|
| 696 | Rạch áp xe túi lệ |
| 697 | Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê |
| 698 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên |
| 699 | Thông khí nhân tạo không xâm nhập [giờ theo thực tế] |
| 700 | Tiêm dưới da |
| 701 | Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính |
| 702 | Lấy calci kết mạc |
| 703 | Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày) |
| 704 | Ghi điện tim cấp cứu tại giường |
| 705 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa |
| 706 | Cắt chỉ khâu giác mạc |
| 707 | Phương pháp Proetz |
| 708 | Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ |
| 709 | Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement |
| 710 | Siêu âm tim cấp cứu tại giường |
| 711 | Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng |
| 712 | Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính |
| 713 | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) |
| 714 | Đặt nội khí quản |
| 715 | Điện mẫn châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não |
| 716 | Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement (GiC) |
| 717 | Nắn, bó bột trật khớp xương đòn |
| 718 | Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy |
| 719 | Nhét bắc mũi trước |
| 720 | Sinh thiết u họng miệng |

| | |
|-----|--|
| 721 | Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm |
| 722 | Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi |
| 723 | Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay |
| 724 | Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyen mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút) |
| 725 | Thời gian máu chảy phương pháp Duke |
| 726 | Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má |
| 727 | Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não |
| 728 | Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới quơng quay |
| 729 | Lấy dị vật hạ họng |
| 730 | Cứu |
| 731 | Điện mông châm điều trị đau lưng |
| 732 | Đo sắc giác |
| 733 | Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng |
| 734 | Kỹ thuật xoa bóp toàn thân |
| 735 | Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm |
| 736 | Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp |
| 737 | Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người |
| 738 | Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em |
| 739 | Xoa bóp bấm huyệt bằng tay |
| 740 | Mở thông bàng quang |
| 741 | Phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần |
| 742 | Điều trị sản cục bằng đốt điện |
| 743 | Điện nhĩ châm điều trị đau lưng |
| 744 | Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não |
| 745 | Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay) |

| | |
|-----|--|
| 746 | Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp |
| 747 | Cầm máu mũi bằng Merocel |
| 748 | Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm |
| 749 | Đặt sonde hậu môn |
| 750 | Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần) |
| 751 | Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ |
| 752 | Cây chỉ điều trị đau lưng |
| 753 | Điện mẫn châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống |
| 754 | Thụt tháo phân |
| 755 | Đo khúc xạ máy |
| 756 | Nắn, bó bột gãy xương gót |
| 757 | Cây chỉ điều trị mất ngủ |
| 758 | Điện châm điều trị bại não |
| 759 | Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần) |
| 760 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản |
| 761 | Điều trị bằng siêu âm |
| 762 | Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn |
| 763 | Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống |
| 764 | Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc |
| 765 | Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm |
| 766 | Thụt tháo |
| 767 | Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay |
| 768 | Chườm ngải |
| 769 | Điều trị sùi mào gà ở nam giới bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng |
| 770 | Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến |

| | |
|-----|---|
| 771 | Phẫu thuật KHX gãy hờ độ I hai xương cẳng chân |
| 772 | Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên) |
| 773 | Cứu điều trị đau lưng thể hàn |
| 774 | Đo biên độ điều tiết |
| 775 | Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông |
| 776 | Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới |
| 777 | Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt |
| 778 | Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope) |
| 779 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn |
| 780 | Soi góc tiền phòng |
| 781 | Chọc dịch tủy sống |
| 782 | Điều trị u mềm treo bằng đốt điện |
| 783 | Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên |
| 784 | Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên |
| 785 | Điều trị bớt sùi bằng đốt điện |
| 786 | Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn |
| 787 | Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm |
| 788 | Điện mông châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp |
| 789 | Đo thị giác 2 mắt |
| 790 | Thay canuyn |
| 791 | Chọc dịch màng bụng |
| 792 | Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín |
| 793 | Điện châm |
| 794 | Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi) |
| 795 | Chọc dò dịch màng phổi |

| | |
|-----|--|
| 796 | Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên |
| 797 | Chụp Xquang Hirtz |
| 798 | Chích áp xe phần mềm lớn |
| 799 | Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu |
| 800 | Nong cổ tử cung do bế sản dịch |
| 801 | Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai |
| 802 | Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm |
| 803 | Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong |
| 804 | Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa |
| 805 | Rạch áp xe mi |
| 806 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi |
| 807 | Mở rộng lỗ sáo |
| 808 | Lấy dị vật kết mạc |
| 809 | Bóp bóng Ambu qua mặt nạ |
| 810 | Điện châm điều trị hội chứng stress |
| 811 | Đo thị trường chu biên |
| 812 | Làm Proetz |
| 813 | Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) |
| 814 | Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA |
| 815 | Chọc hút áp xe thành bụng |
| 816 | AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen |
| 817 | Nhổ răng sữa |
| 818 | Phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay |
| 819 | Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não |
| 820 | Chụp Xquang tại giường |

| | |
|-----|--|
| 821 | Nắn sai khớp thái dương hàm |
| 822 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên |
| 823 | Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng |
| 824 | Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay |
| 825 | Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng |
| 826 | Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới |
| 827 | Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe |
| 828 | Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương |
| 829 | Tập cho người thất ngôn |
| 830 | Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ |
| 831 | Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không |
| 832 | Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu |
| 833 | Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm |
| 834 | Thông vòi nhĩ |
| 835 | Dengue virus NS1Ag test nhanh |
| 836 | Nghiệm pháp đánh giá rối loạn nuốt tại giường cho người bệnh tai biến mạch máu não |
| 837 | Nghiệm pháp phát hiện glôcôm |
| 838 | Chọc dò tủy sống sơ sinh |
| 839 | Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê |
| 840 | Helicobacter pylori Ag test nhanh |
| 841 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người |
| 842 | Giác hơi |
| 843 | Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê |
| 844 | Khâu da mi đơn giản |
| 845 | Điện mãng châm điều trị bí đái cơ năng |

| | |
|-----|--|
| 846 | Dẫn lưu dịch màng bụng |
| 847 | Giác hơi điều trị cảm cúm |
| 848 | Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm |
| 849 | Thủy châm điều trị đau vai gáy |
| 850 | Phẫu thuật mộng đơn thuần |
| 851 | Siêu âm dương vật |
| 852 | Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay |
| 853 | Vận động trị liệu bằng quang |
| 854 | Chọc dò ổ bụng cấp cứu |
| 855 | Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè |
| 856 | Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần |
| 857 | Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay |
| 858 | Điện nhĩ châm điều trị nấc |
| 859 | Cắt chỉ khâu da |
| 860 | Nội soi sinh thiết u hốc mũi |
| 861 | Đặt catheter tĩnh mạch cánh ngoài |
| 862 | Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh... |
| 863 | Chọc rửa xoang hàm |
| 864 | Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh |
| 865 | Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP [giờ theo thực tế] |
| 866 | Điện mẫn châm điều trị rối loạn kinh nguyệt |
| 867 | Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên |
| 868 | Điện châm điều trị liệt chi dưới |
| 869 | Phẫu thuật vết thương bàn tay |

| | |
|-----|--|
| 870 | Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh |
| 871 | Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên |
| 872 | Cây chỉ điều trị nấc |
| 873 | Cây chỉ điều trị hội chứng tiền đình |
| 874 | Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não |
| 875 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay |
| 876 | Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện |
| 877 | Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn |
| 878 | Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản |
| 879 | Định lượng Creatinin (máu) |
| 880 | Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản |
| 881 | Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển |
| 882 | Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở |
| 883 | Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn |
| 884 | Tiêm bắp thịt |
| 885 | Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyen mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút) |
| 886 | Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ |
| 887 | Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement |
| 888 | Tiêm khớp gối |
| 889 | Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm |
| 890 | Khí dung thuốc cấp cứu (một lần) |
| 891 | Mở khí quản cấp cứu |
| 892 | Đặt ống nội khí quản |
| 893 | Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu |
| 894 | Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ |

| | |
|-----|--|
| 895 | Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*) |
| 896 | Khí dung thuốc giãn phế quản |
| 897 | Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim |
| 898 | Hút nang bao hoạt dịch |
| 899 | Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm |
| 900 | Chọc hút tế bào phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm |
| 901 | Vận động trị liệu hô hấp |
| 902 | Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm |
| 903 | Tháo bột các loại |
| 904 | Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng |
| 905 | Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân |
| 906 | Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng |
| 907 | Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục |
| 908 | Siêu âm can thiệp - chọc hút mũ ổ áp xe gan |
| 909 | Siêu âm can thiệp - Chọc dịch ổ bụng xét nghiệm |
| 910 | Chăm sóc da cho bn steven jonhson |
| 911 | Đặt sonde bàng quang |
| 912 | Hút đờm hầu họng |
| 913 | Chọc dò dịch não tủy |
| 914 | Siêu âm Doppler tim |
| 915 | Nội soi mũi |
| 916 | Nội soi tai |
| 917 | Phản ứng Pandy [dịch] |
| 918 | Phản ứng Rivalta [dịch] |
| 919 | Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục 24 giờ |

| | |
|-----|---|
| 920 | Điều trị bằng vi sóng |
| 921 | Tháo lỏng bằng bơm khí/nước |
| 922 | Điều trị bằng Laser công suất thấp vào điểm vận động và huyết đạo |
| 923 | Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ, âm đạo, tầng sinh môn |
| 924 | Gây mê thay băng bệnh nhân có diện tích bỏng từ 10 – 39% diện tích cơ thể |
| 925 | Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan – Morgan hoặc Ferguson) |
| 926 | Xử lý mẫu xét nghiệm độc chất |
| 927 | Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc |
| 928 | Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp |
| 929 | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein |

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1543 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 27 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Krông Nô trực thuộc Sở Y tế
“trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện đa khoa huyện, Trung tâm Y tế huyện,
Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ: Y tế, Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Chương trình số 30-CTr/TU ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 403/TTr-SNV ngày 05 tháng 9 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Krông Nô trực thuộc Sở Y tế “trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện đa khoa huyện, Trung tâm Y tế huyện, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện”.

1. Tên gọi và hạng đơn vị:

- Tên gọi: Trung tâm Y tế huyện Krông Nô.

- Hạng đơn vị: Hạng III.

2. Vị trí

- Trung tâm Y tế huyện Krông Nô là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế, có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Trung tâm Y tế huyện Krông Nô chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, hoạt động và các nguồn lực khác của Sở Y tế; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị y tế tuyến tỉnh, Trung ương; chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện theo quy định của pháp luật.

3. Về cơ chế tài chính

Trung tâm Y tế huyện Krông Nô là đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Xây dựng lộ trình tiến tới tự chủ hoàn toàn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc của Trung tâm Y tế huyện Krông Nô.

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Y tế huyện Krông Nô do Giám đốc Sở Y tế quy định theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh.

2. Cơ cấu tổ chức

a) Ban Giám đốc: Có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

- Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

- Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô là người phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác do Giám đốc Trung tâm phân công; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Trung tâm vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành hoạt động của Trung tâm.

- Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô thực hiện theo tiêu chuẩn quy định của Đảng, Nhà nước và điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô theo quy định của Đảng, Nhà nước và theo phân cấp quản lý công tác cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

b) Các phòng chức năng: Gồm có 03 phòng

- Phòng Hành chính - Kế toán;
- Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ;
- Phòng Điều dưỡng.

c) Các khoa chuyên môn: Gồm có 10 khoa

- Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS;
- Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm;
- Khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa;
- Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội - Nhi - Nhiễm;
- Khoa Ngoại tổng hợp;



- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản;
- Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng;
- Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế;
- Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh;
- Khoa Dân số và Phát triển.

Căn cứ vào tính chất, đặc điểm, nhu cầu và điều kiện của huyện Krông Nô, Giám đốc Sở Y tế báo cáo, đề nghị UBND tỉnh về việc thành lập, chia tách, lồng ghép các Khoa chuyên môn thuộc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô khi cần thiết theo hướng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; quy định nhiệm vụ cụ thể của các phòng, khoa chuyên môn và các khoa khác bảo đảm triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật.

Việc bổ nhiệm Lãnh đạo các phòng, khoa chuyên môn thuộc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô thực hiện theo tiêu chuẩn quy định của Đảng, Nhà nước và điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Lãnh đạo các phòng, khoa chuyên môn thuộc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô theo quy định của Đảng, Nhà nước và theo phân cấp quản lý công tác cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

d) Đơn vị trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô: Trạm y tế các xã thuộc huyện Krông Nô.

3. Biên chế

- Biên chế của Trung tâm Y tế huyện Krông Nô là biên chế sự nghiệp trong tổng số biên chế sự nghiệp của Sở Y tế được Chủ tịch UBND tỉnh giao hàng năm. Trước mắt, biên chế của Trung tâm Y tế huyện Krông Nô sau khi tổ chức lại là tổng biên chế được giao cho 03 đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện, Trung tâm Y tế huyện (bao gồm biên chế các Trạm Y tế), Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện (bao gồm biên chế chuyên trách dân số tuyến xã).

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm tình hình trên địa bàn huyện, Giám đốc Sở Y tế xây dựng vị trí việc làm, số lượng người làm việc bảo đảm không tăng biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước và thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình được quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, Ban, ngành có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra quá trình tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Krông Nô bảo đảm đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Y tế

- Chỉ đạo Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô, các đơn vị sáp nhập thống kê tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính hiện đang quản lý, các khoản công nợ, lập danh sách, hồ sơ tài liệu công chức, viên chức và người lao

động của đơn vị, chuyển sang Trung tâm Y tế huyện Krông Nô quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo Trung tâm Y tế huyện Krông Nô tiếp nhận bàn giao nguyên trạng từ các đơn vị sáp nhập. Đối với việc tiếp nhận nhân sự phải căn cứ vào điều kiện tiêu chuẩn, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, vị trí việc làm để bố trí công chức, viên chức và người lao động của Trung tâm Y tế huyện Krông Nô theo đúng quy định.

- Xây dựng phương án, lộ trình sắp xếp trụ sở chính và các cơ sở của Trung tâm Y tế huyện Krông Nô theo hướng thu gọn đầu mối, tạo thuận lợi trong chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn các đơn vị sáp nhập thực hiện các nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài chính theo đúng quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư và nguồn vốn đầu tư phát triển Trung tâm theo kế hoạch được giao.

5. Sở Xây dựng

Tham mưu, báo cáo UBND tỉnh điều chuyển trụ sở làm việc dôi dư (nếu có) sau khi sáp nhập cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

6. Giám đốc các đơn vị sáp nhập (Gồm: Bệnh viện Đa khoa huyện Krông Nô, Trung tâm Y tế huyện Krông Nô, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Krông Nô)

- Tổng hợp, thống kê tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, các chứng từ, hồ sơ tài liệu có liên quan; lập danh sách công chức, viên chức, người lao động để tiến hành thủ tục chuyển giao nguyên trạng cho Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô bảo đảm không để thất thoát tài sản Nhà nước.

- Làm việc với Công an tỉnh để tiến hành thủ tục thu hồi con dấu theo đúng quy định.

7. Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô

- Tiếp nhận toàn bộ công chức, viên chức, người lao động và hồ sơ công chức, viên chức, người lao động; tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, các chứng từ từ Bệnh viện Đa khoa huyện Krông Nô, Trung tâm Y tế huyện Krông Nô, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Krông Nô chuyển sang.

- Bố trí công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các khoa, phòng của đơn vị theo đúng tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm, năng lực cá nhân và tình hình thực tế của đơn vị theo quy định.

8. Các cơ quan, đơn vị được nêu tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 của Điều này có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tạm thời giữ nguyên số lượng Phó Giám đốc sau khi tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Krông Nô nếu nhiều hơn so với quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 2 Quyết định này mà Sở Y tế không thể bố trí được vị trí khác phù hợp tại các đơn vị trong ngành. Đồng thời, phải có giải pháp điều chuyển, sắp xếp lại số lượng cấp phó trong thời hạn không quá 03 năm kể từ ngày tổ chức lại. Trung tâm Y tế huyện Krông Nô chỉ được bổ sung Phó Giám đốc khi số lượng ít hơn so với quy định và sau khi thực hiện việc sắp xếp lại số lượng cấp phó trong ngành theo đúng quy định.

2. Đối với những trường hợp sau khi sắp xếp mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bổ nhiệm vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý cũ thì được hưởng bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

3. Trong thời gian bàn giao, các đơn vị sáp nhập được tiếp tục sử dụng con dấu của đơn vị theo quy định để thực hiện một số công tác chuyên môn trong thời gian đơn vị mới tiến hành khắc dấu; đóng dấu các báo cáo thường kỳ, báo cáo bàn giao và các hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán đã phát sinh trước ngày thành lập đơn vị mới. Không thực hiện đóng dấu đối với các chứng từ, sổ sách kế toán, xử lý tài sản phát sinh sau ngày thành lập đơn vị mới.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các quy định trước đây trái với quy định của Quyết định này.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND huyện Krông Nô; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các Bộ: NV, YT (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Công an tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước huyện Krông Nô;
- Lưu: VT, TH, KGVX, NC (Th).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông
Tỉnh Đắk Nông
Ngày 28.09.2018
09:35:36
+07:00
Nguyễn Bốn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1522 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của Trung tâm Y tế
huyện Krông Nông trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đắk Nông**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban
Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức,
quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp
công lập;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của
Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố
thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 455/TTr-SNV ngày 13
tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của Trung tâm Y tế huyện
Krông Nông trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

1. Cơ cấu tổ chức.

a) Lãnh đạo Trung tâm Y tế huyện Krông Nông: gồm có Giám đốc và các
Phó Giám đốc (số lượng Phó Giám đốc theo quy định của pháp luật).

b) Các phòng chức năng gồm có 03 phòng:

+ Phòng Tổ chức hành chính - Kế toán;

+ Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ;



+ Phòng Điều dưỡng - Dân số và Truyền thông giáo dục sức khỏe.

c) Các khoa chuyên môn gồm có 8 khoa:

- Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm;
- Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS;
- Khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa;
- Khoa Hồi sức cấp cứu Nội - Nhi - Nhiễm;
- Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản;
- Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng;
- Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế;
- Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh.

d) Đơn vị thuộc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô, gồm có: Trạm Y tế các xã, thị trấn thuộc huyện Krông Nô.

2. Biên chế của Trung tâm Y tế huyện Krông Nô là biên chế sự nghiệp trong tổng số biên chế sự nghiệp của Sở Y tế được Chủ tịch UBND tỉnh giao hằng năm trên cơ sở yêu cầu, nhiệm vụ, cơ cấu viên chức phù hợp với tiêu chuẩn cơ cấu ngạch viên chức và vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm không tăng biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

Trên cơ sở biên chế được giao, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô sắp xếp, bố trí biên chế cho các phòng chức năng và các khoa chuyên môn phải đảm bảo theo quy định. Số lượng cấp phó các phòng, khoa, trạm y tế thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với lãnh đạo Trung tâm Y tế huyện Krông Nô, lãnh đạo các khoa, phòng, trạm y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước và theo phân cấp quản lý công tác cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra quá trình sắp xếp bộ máy của Trung tâm Y tế huyện Krông Nô bảo đảm theo đúng quy định.

2. Sở Y tế

Chỉ đạo Trung tâm Y tế huyện Krông Nô tổ chức sắp xếp bộ máy bên trong Trung tâm Y tế huyện Krông Nô theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định



này; ủy quyền Giám đốc Sở Y tế ban hành quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Y tế huyện Krông Nô (sau khi có ý kiến của thẩm định của Sở Nội vụ) và chỉ đạo Trung tâm Y tế huyện Krông Nô quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các phòng chức năng, khoa chuyên môn theo quy định của pháp luật.

3. Trung tâm Y tế huyện Krông Nô

Tổ chức sắp xếp bộ máy bên trong Trung tâm Y tế huyện Krông Nô theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1543/QĐ - UBND ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Krông Nô trực thuộc Sở Y tế “trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện đa khoa huyện, Trung tâm Y tế huyện, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện”.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Y tế; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Krông Nô; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, TH (Th).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh

Tôn Thị Ngọc Hạnh

